

**TÒA ÁN QUÂN SỰ
KHU VỰC 2 QUÂN KHU 5**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HS-ST
Ngày 28/02/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC 2 QUÂN KHU 5

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: 2// Nguyễn Duy Linh.

Các Hội thẩm quân nhân:

1// Huỳnh Tấn Sĩ;

1// Nguyễn Cao Đức Hơn.

- Thư ký phiên tòa: 4/ Đặng Thế Thanh, Thư ký, Tòa án quân sự Khu vực 2 Quân khu 5.

- Đại diện Viện kiểm sát quân sự Khu vực 53 tham gia phiên tòa: 3// Lê Tuấn Phong và 4/ Phạm Văn Hùng, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại Phòng xử án Tòa án quân sự Khu vực 2 Quân khu 5, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 04/2025/TLST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 04/2025/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo:

Trần Thị Kim T; sinh ngày 25 tháng 8 năm 1998, tại tỉnh Phú Yên; Nơi đăng ký HKTT: xã H, huyện T1, tỉnh Phú Yên; Nơi tạm trú: phường 4, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn P, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1978; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: chưa bị kết án hay xử lý vi phạm hành chính; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Bị hại: Tổng Công ty C; Địa chỉ: Số 01G, phường K, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Hoàng Trung T2; cấp bậc: 2//, Chức vụ: Tổng Giám đốc Tổng Công ty C.

Người đại diện theo ủy quyền lại: bà Dương Thị Thu H2, Phó Giám đốc Chi nhánh tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: 153N, phường 5, thành phố U, tỉnh Phú Yên; có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Thị Ngọc T3; sinh ngày 01/01/1999.

Nơi cư trú: Khu phố A, phường H3, thị xã Đ2, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

Người làm chứng:

Trần Văn P; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 01/8/2023, ông Trần Văn P đến cửa hàng của Tổng Công ty C ở địa chỉ Khu phố M, thị trấn P, huyện T1, tỉnh Phú Yên (Cửa hàng Viettel T1) đưa 10.000.000 đồng (gồm 20 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng) cho nhân viên Cửa hàng Viettel T1 là chị Nguyễn Thị Ngọc T3 với yêu cầu chuyển tiền vào số tài khoản 0561000572339 của Ngân hàng V. Người nhận tiền là Trần Thị Kim T, con gái của ông P. Sau khi nhận tiền từ ông P, chị T3 sử dụng dịch vụ Bankplus chuyển vào tài khoản của T 20.000.000 đồng và thu phí dịch vụ chuyển số tiền trên là 60.000 đồng. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, chị T3 kiểm tra, phát hiện do thiếu tập trung khi nhận tiền từ ông P nên đã xác nhận và chuyển dư 10.000.000 đồng vào tài khoản của T. Chị T3 điện thoại ông P nói lại sự việc chuyển nhầm như trên và đề nghị ông P cho số điện thoại của chị T để xin lại số tiền chuyển dư nhưng ông P không cho, với lý do đang bận việc có gì gọi lại sau. Chị T3 tiếp tục nhắn tin liên hệ với T bằng cách chuyển vào tài khoản của T 1.000 đồng với nội dung kèm theo “em là nhân viên Viettel cho em số điện thoại” nhưng T không phản hồi. Đồng thời ngày hôm sau chị T3 bỏ tiền của cá nhân với số tiền là 10.000.000 đồng (đây là số tiền của Công ty mà chị T3 đã chuyển nhầm cho T) nộp vào tài khoản user của Công ty để đảm bảo duy trì hoạt động trong giao dịch theo quy định. Sau đó, do không liên lạc được với T cùng với việc không hợp tác của ông P nên ngày 25/01/2024 T3 làm đơn tố giác Trần Thị Kim T về hành vi chiếm giữ trái phép tài sản và gửi đến Công an huyện T1, tỉnh Phú Yên.

Sau đó, vào ngày 04/3/2024 khi T đến Cửa hàng Viettel T1 làm sim điện thoại, T3 trực tiếp gặp và đề nghị T hoàn trả số tiền đã chuyển nhầm nhưng T không đồng ý. Cùng lúc này theo tin báo của T3, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện T1 cử cán bộ đến Cửa hàng Viettel T1 thông báo nội dung sự việc cho T và yêu cầu T đến trụ sở Công an huyện T1 làm việc nhưng T không phối hợp. Từ ngày 15/5/2024 đến ngày 16/12/2024, Cơ quan Điều tra hình sự khu vực 2 các TCSN-BQP đã nhiều lần gửi giấy triệu tập và cử Điều tra viên đến gặp T làm việc nhưng T không hợp tác và cũng không trả lại số tiền nói trên cho Cửa hàng Viettel T1.

Công văn số 262/PHY-KT ngày 20/3/2024 của Chi nhánh Phú Yên thuộc Ngân hàng V, xác định: Trần Thị Kim T có số tài khoản 0561000572339 mở tại V Lâm Đồng có 02 giao dịch nhận tiền vào ngày 01/8/2024. Giao dịch 1, nhận số tiền 20.000.000 đồng, với nội dung “TRAN VAN P ND ct”; giao dịch 2, nhận số tiền là 1000 đồng, với nội dung “em NV viettel cho em xin so dt lien he chi t dc ko a”.

Công văn số 2549/VTpost-PC ngày 26/8/2024 của Tổng Công ty C xác nhận: ngày 01/8/2023, tại Cửa hàng Viettel T1 nhân viên Nguyễn Thị Ngọc T3 trong quá trình thực hiện yêu cầu chuyển tiền của khách hàng là ông Trần Văn P

đã chuyển nhầm 10.000.000 đồng. Đề nghị Cơ quan Điều tra xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Đơn tố cáo gửi đến Tổng giám đốc Tập đoàn Viettel của Trần Văn P lập ngày 24/7/2024, thể hiện nội dung: Vào ngày 01/8/2023, tôi (P) ra cửa hàng Viettel T1 giao cho nhân viên Nguyễn Thị Ngọc T3 số tiền 10.000.000 đồng và yêu cầu chuyển đến số tài khoản 0561000572339 (Vbank) của Trần Thị Kim T nhưng nhân viên T3 chuyển sai thành 20.000.000 đồng.

File ghi âm xác lập ngày 04/03/2024 do Nguyễn Thị Ngọc T3 giao nộp cho Cơ quan Điều tra hình sự khu vực 2 các Tổ chức sự nghiệp, Bộ Quốc phòng vào lúc 18 giờ 00 phút, ngày 01/8/2024 thể hiện: Trần Thị Kim T xác nhận biết Nguyễn Thị Ngọc T3, nhân viên Cửa hàng Viettel T1 chuyển nhầm 10.000.000 đồng vào tài khoản của mình nhưng T không trả vì cho rằng việc trả lại số tiền chuyển nhầm trên không thuộc trách nhiệm của T.

Văn bản của Trần Thị Kim T lập ngày 25/7/2024 gửi đến Cơ quan ĐTHS khu vực 2 các TCSN, BQP phản hồi Thông báo số 108/TB-ĐTHS, ngày 11/7/2024 có nội dung: Trần Thị Kim T đã nhận được Thông báo số 108/TB-ĐTHS ngày 11/7/2024 tuy nhiên T không trả số tiền 10.000.000 đồng do nhân viên Viettel thuộc Cửa hàng Viettel T1 chuyển nhầm vì số tiền trên là do ông Trần Văn P chuyển cho T.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện theo ủy quyền của bị hại Tổng Công ty C - bà Dương Thị Thu H2 có lời khai tại phiên tòa: Ngày 01/8/2023 ông P có đến Cửa hàng Viettel T1 để thực hiện dịch vụ chuyển số tiền 10.000.000 đồng vào tài khoản người nhận là Trần Thị Kim T. Tuy nhiên trong quá trình giao dịch nhân viên Nguyễn Thị Ngọc T3 đã thao tác nhầm dẫn đến chuyển vào tài khoản của T với số tiền là 20.000.000 đồng. Số tiền 10.000.000 đồng thời điểm chuyển nhầm trên là tiền của Tổng Công ty C ủy quyền cho nhân viên T3 sử dụng trong quá trình làm việc. Ngày 19/12/2024 tôi đã nhận lại số tiền 10.000.000 đồng tiền chuyển nhầm từ bị cáo. Ngày 20/12/2024 tôi đã hoàn trả số tiền 10.000.000 đồng này cho chị Nguyễn Thị Ngọc T3 là nhân viên đã thực hiện giao dịch chuyển tiền nhầm. Ngày 12/01/2025 tôi đại diện cho Công ty đã hoàn trả 35.000 đồng cho ông Trần Văn P. Đây là phí dịch vụ do nhân viên Nguyễn Thị Ngọc T3 thu nhầm khi phát sinh 10.000.000 đồng chuyển đến tài khoản của Trần Thị Kim T.

Lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Thị Ngọc T3 có trong hồ sơ được công bố tại phiên tòa: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 01/8/2023, ông P có đến cửa hàng tôi làm việc để thực hiện giao dịch chuyển tiền vào số tài khoản của chị Trần Thị Kim T với số tiền 10.000.000 đồng. Tuy nhiên trong quá trình nhập số tiền lên hệ thống, tôi sơ ý bất cẩn nên đã nhập nhầm lên hệ thống số tiền là 20.000.000 đồng. Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày tôi phát hiện đã chuyển nhầm tiền vào số tài khoản của chị T. Ngay lúc đó tôi đã gọi điện cho ông P và chuyển khoản 1000 đồng vào số tài khoản chị T để liên hệ xin số điện thoại chị T xin lại tiền. Sau nhiều lần liên lạc với ông P, chị T nhưng không xin lại được tiền nên tôi đã đến Cơ quan Công an huyện T1 để nhờ giải quyết.

Lời khai của người làm chứng Trần Văn P tại phiên tòa: khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 01/8/2023, tôi có đến Cửa hàng Viettel T1 để thực hiện giao dịch chuyển số tiền 10.000.000 đồng cho con gái tôi là Trần Thị Kim T. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, tôi được nhân viên tên T3 thông báo việc T3 thao tác nhầm nên chuyển khoản thừa số tiền 10.000.000 đồng cho tài khoản trên. Sau đó T3 báo Công an Thị xã Đ2, tỉnh Phú Yên về sự việc trên nên tôi có làm đơn gửi Viettel với nội dung đề nghị nhân viên T3 xin lỗi tôi, tôi mới trả lại tiền nhưng T3 không đồng ý xin lỗi. Sau khi sự việc chuyển nhầm tiền xảy ra tôi đã được nhân viên Viettel cũng như các cơ quan chức năng mời lên để làm việc. Ngoài ra khoảng vào đầu tháng 3/2024 T có về nhà hỏi về việc chuyển khoản nhầm của nhân viên Cửa hàng Viettel T1 và T cũng được các cơ quan chức năng có thẩm quyền thông báo.

Cáo trạng số 04/CT-VKSQSKV53 ngày 21/01/2025 của Viện kiểm sát quân sự Khu vực 53 - Quân khu 5 truy tố bị cáo Trần Thị Kim T về tội “Chiếm giữ trái phép tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 176 Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung quyết định truy tố đối với Trần Thị Kim T về tội “Chiếm giữ trái phép tài sản” theo khoản 1 Điều 176 BLHS.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá nguyên nhân, điều kiện, tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, hậu quả vụ án, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử về hình sự (HĐXX): áp dụng khoản 1 Điều 176; điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 35; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Kim T hình phạt tiền với mức phạt từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585 Bộ luật Dân sự (BLDS) ghi nhận bị cáo Trần Thị Kim T đã hoàn trả cho đại diện theo ủy quyền của bị hại là bà Dương Thị Thu H2 số tiền là 10.000.000 đồng. Bà Dương Thị Thu H2 đã hoàn trả xong cho chị Nguyễn Thị Ngọc T3 với số tiền là 10.000.000 đồng, cho ông Trần Văn P số tiền 35.000 đồng là phí dịch vụ do T3 thu nhầm khi phát sinh 10.000.000 đồng chuyển đến tài khoản của bị cáo. Bị cáo, bà H2, chị T3 và ông P không có ý kiến gì.

Về xử lý đồ vật: 02 thẻ nhớ quá trình điều tra thu thập được đây là tài liệu, chứng cứ liên quan đến hành vi phạm tội nên lưu trong hồ sơ vụ án.

Trong phần tranh luận: Bị cáo Trần Thị Kim T không có tranh luận gì với Kiểm sát viên mà chỉ đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

Bà Dương Thị Thu H2 đại diện theo ủy quyền của bị hại ý kiến tại tòa: Ngày 19/12/2024 bị cáo đã hoàn trả lại số tiền 10.000.000 đồng cho Công ty và số tiền này ngày 20/12/2024 đã hoàn trả lại cho nhân viên Nguyễn Thị Ngọc T3. Ngoài ra Công ty cũng đã trả lại cho ông Trần Văn P số tiền 35.000 đồng phí dịch vụ do nhân viên thu nhầm nên tôi không có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Thị Ngọc T3 ý kiến trong đơn xin vắng mặt tại tòa: Sau khi xảy ra vụ án ngày 20/12/2024 tôi đã

nhận lại được số tiền 10.000.000 đồng từ Công ty nên tôi không có ý kiến, yêu cầu gì về vấn đề bồi hoàn.

Bị cáo Trần Thị Kim T trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo gửi lời xin lỗi đến bị hại, bị cáo rất ăn năn, hối hận về hành vi của mình, mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra hình sự khu vực 2 các Tổ chức sự nghiệp, Bộ Quốc phòng, Điều tra viên; Viện kiểm sát quân sự Khu vực 53, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, đại diện theo ủy quyền của bị hại và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, có cơ sở để khẳng định các hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị Kim T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của đại diện theo ủy quyền của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 01/8/2023, tại Cửa hàng Viettel T1, tỉnh Phú Yên trong quá trình thực hiện yêu cầu chuyển tiền của khách Trần Văn P trên dịch vụ Bankplus do sai sót nên nhân viên Nguyễn Thị Ngọc T3 đã chuyển nhầm 10.000.000 đồng vào tài khoản cá nhân của Trần Thị Kim T sử dụng. Mặc dù đã được chị T3 và cơ quan chức năng nhiều lần thông báo làm việc về số tiền chuyển nhầm cùng với yêu cầu xin hoàn trả của chủ sở hữu nhưng T đã cố ý đưa ra nhiều lý do để tiếp tục chiếm giữ trái phép tài sản.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội “ Chiếm giữ trái phép tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 176 BLHS

[3] Tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Do động cơ háms lợi và ý thức coi thường pháp luật nên khi bị cáo được hưởng lợi từ tài sản không có căn cứ nhưng khi chủ sở hữu và cơ quan chức năng nhiều lần yêu cầu trả lại tài sản bị cáo cố tình không trả cho bị hại mà chiếm giữ và sử dụng cho mục đích cá nhân. Hành vi phạm tội của bị cáo gây mất trật tự trị an xã hội và gây bất bình trong nhân dân. Vì vậy, việc xét xử đối với bị cáo là cần thiết và phải có một mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Trần Thị Kim T là người có nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi vụ án xảy ra bị cáo đã hoàn trả lại số tiền 10.000.000 đồng cho bị hại, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo đã nhận thức được hành vi vi phạm. Vì vậy, HĐXX xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà cho bị cáo được hưởng mức hình phạt là phạt tiền vẫn đảm bảo mục đích của hình phạt và cũng đủ tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. HĐXX thấy ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị cho bị cáo được hưởng mức hình phạt tiền là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

[5] Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS, khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, khoản 1 Điều 589 BLDS buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 10.000.000 đồng cho bị hại. Tuy nhiên, bị cáo Trần Thị Kim T trong quá trình giải quyết vụ án đã trả lại cho bà Dương Thị Thu H2 đại diện theo ủy quyền của bị hại với số tiền là 10.000.000 đồng theo biên bản làm việc ngày 19/12/2024. Bà Dương Thị Thu H2 đã hoàn trả xong cho chị Nguyễn Thị Ngọc T3 với số tiền là 10.000.000 đồng theo giấy giao nhận tiền ngày 20/12/2024, cho ông Trần Văn P số tiền 35.000 đồng là phí dịch vụ thu nhằm theo giấy giao nhận tiền ngày 12/01/2025. Bà H2, ông P, chị T3 không có ý kiến, yêu cầu gì thêm nên HĐXX ghi nhận thỏa thuận này.

[6] Về xử lý vật chứng trong vụ án: 01 thẻ nhớ Apecer, dung lượng 16 GB, bên trong có mục thu “10 triệu” chứa 01 file dữ liệu camera an ninh, 01 thẻ nhớ màu đen dung lượng 4 GB, bên trong có chứa 02 file ghi âm tên “Quốc Lộ 29 6.m4a” và “Quốc Lộ 29 8.m4a” theo Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử ngày 25/01/2024, ngày 01/8/2024 của Công an huyện T1, tỉnh Phú Yên và của Cơ quan Điều tra hình sự khu vực 2 các TCSN, BQP đây là tài liệu chứng cứ thu thập trong quá trình điều tra đều liên quan đến hành vi phạm tội, nên lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[7] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự:

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Kim T phạm tội “Chiếm giữ trái phép tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 176; điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 35; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Kim T hình phạt tiền với mức phạt là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) .

2. Về bồi thường thiệt hại: Ghi nhận bị cáo Trần Thị Kim T đã tự nguyện bồi thường xong cho Đại diện theo ủy quyền của bị hại là bà Dương Thị Thu H2 số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), bà Dương Thị Thu H2 đã hoàn trả xong số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Ngọc T3.

3. Về xử lý vật chứng: 02 thẻ nhớ dung lượng 16 GB và 4 GB lưu trong hồ sơ vụ án.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS, bị cáo Trần Thị Kim T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Bị cáo, đại diện theo ủy quyền của bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/02/2025), người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án lên Tòa án Quân sự Quân khu 5./.

Nơi nhận:

- Viện KSQSKV53;
- Viện KSQSQK5;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Cơ quan ĐTHSKV2 các TCSN;
- Phòng THA QK5;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

2// Nguyễn Duy Linh